

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST

Ngày 05 tháng 5 năm 2020

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Hiếu

Các hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Thanh Liên

Bà Nguyễn Ngọc Sương

Thư ký phiên tòa: ông Khuất Cao Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu: Bà Bùi Thị Doan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 19/2020/TLST-HNGĐ ngày 09-3-2019, về việc “*Yêu cầu ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24-4-2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hoang, Michael V, sinh năm 1959; Địa chỉ: khu phố 5, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Trần Thị Tuyết D, sinh năm 1990, quốc tịch: Hoa Kỳ; Địa chỉ: Williams Rd Warrenville, Il 60555, USA (vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản khai, nguyên đơn ông Hoang, Michael V trình bày:

Năm 2013 ông Hoang, Michael V từ Hoa Kỳ về Việt Nam thăm gia đình nên có gặp và quen biết bà Trần Thị Tuyết D, sau một thời gian tìm hiểu cả hai đi đến hôn nhân, hai bên có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, năm 2016 ông Hoang, Michael V bảo lãnh bà D sang Hoa Kỳ sinh sống, còn ông thì vẫn ở lại Việt Nam làm ăn; ông Hoang, Michael V rất muốn sống tại Việt Nam, còn bà D thì muốn sống tại Hoa Kỳ nên vợ chồng đã bất đồng quan điểm về nơi sinh sống dẫn đến tranh cãi với nhau, ngoài ra do tuổi tác chênh lệch quá cao nên không hiểu và chia sẻ thông cảm cho nhau, do khoảng cách địa lý vợ chồng ít khi gần nhau nên theo thời gian vợ chồng không quan tâm, chăm sóc, chia sẻ khó khăn trong cuộc sống. Nay ông Hoang, Michael V cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà D.

Về con chung: ông Hoang, Michael V xác định không có con chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trần Thị Tuyết D trình bày: về thời gian tìm hiểu đi đến kết hôn năm 2013 như ông Hoang, Michael V trình bày hoàn toàn đúng, năm 2016 ông Hoang, Michael V đã bảo lãnh bà D sang Hoa Kỳ, tuy nhiên do ông Hoang, Michael V thích sống tại Việt Nam nên bảo bà D sang Hoa Kỳ trước sinh sống dần cho quen, còn ông sẽ về sau; sau một thời gian sống tại Việt Nam ông Hoang, Michael V góp vốn làm ăn nuôi tôm với anh em của mình nên ông thích ở Việt Nam và bảo bà D mỗi năm về Việt Nam thăm ông; còn bà D thì muốn ông về Hoa Kỳ sinh sống nên dẫn đến tranh cãi, theo thời gian vợ chồng ít dần nói chuyện liên lạc với nhau, bà D cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên có nguyện vọng được ly hôn với ông Hoang, Michael V. Về con chung bà D xác định không có con chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng như đương sự đã thực hiện đúng quy định pháp luật; cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là có cơ sở. Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Hoang, Michael V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông Hoang, Michael V khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Tuyết D; bị đơn bà D đang cư trú sinh sống ở nước ngoài (Hoa Kỳ), căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 470 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Ông Hoang, Michael V và bà Trần Thị Tuyết D yêu thương nhau, trên cơ sở tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13-11-2013, hôn nhân giữa ông Hoang, Michael V và bà D là tự nguyện và hợp pháp. Thời gian sống chung của vợ chồng được 03 năm, đến năm 2016 ông Hoang, Michael V làm thủ tục bảo lãnh bà D sang Hoa Kỳ sinh sống, còn ông Hoang, Michael V vẫn sinh sống tại Việt Nam để làm ăn bằng nghề nuôi tôm; do có nguyện vọng sinh sống lâu dài tại Việt Nam nên ông Hoang, Michael V đưa ra yêu cầu hàng năm bà D phải về Việt Nam thăm ông nhưng bà D không đồng ý mà muốn ông về Hoa Kỳ sinh sống, do đó giữa vợ chồng thường xuyên tranh cãi qua lại với nhau, bất đồng quan điểm; ông Hoang, Michael V và bà D đều xác nhận vợ chồng không còn tình cảm với nhau, đều có nguyện vọng ly hôn; xét thấy mục đích hôn nhân giữa ông Hoang, Michael V và bà D không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Hoang, Michael V đối với bà D.

Về con chung: ông Hoang, Michael V và bà D đều xác nhận không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn ông Hoang, Michael V phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 470, khoản 1,2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoang, Michael V đối với bà Trần Thị Tuyết D.

Về quan hệ hôn nhân: ông Hoang, Michael V được ly hôn với bà Trần Thị Tuyết D.

Về con chung: ông Hoang, Michael V và bà Trần Thị Tuyết D đều xác nhận không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Hoang, Michael V phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số TU/2019/0004277 ngày 28-02-2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, ông Hoang, Michael V đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Hoang, Michael V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật; bà Trần Thị Tuyết D có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BRVT;
- Cục THA tỉnh BRVT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thành Hiếu

